

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-PT

Ngày: 15-5-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Ông Nguyễn Thái Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện V Th, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1952

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954

Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1976

Đều cư trú: Thôn Th Tr, xã M L, huyện V Th, Thái Bình

(Bà T, anh T1 ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2017)

- Bị đơn: Ông Đỗ Duy H1, sinh năm 1954

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968

Đều cư trú: Thôn Th Tr, xã M L, huyện V Th, Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1991; nơi cư trú: lô số A34 – 2,5ha, D V H, quận C Gi, Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 14/5/2019)

(Tại phiên tòa vắng mặt bà T, ông H1, có mặt các đương sự khác)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Văn H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do gia đình ông được UBND xã M L giao đất có thu tiền sử dụng đất với giá 12 triệu đồng thể hiện trên phiếu thu tiền số 16 ngày 14/10/1994. Giấy tờ liên quan đến việc giao đất ông đã nộp cho cơ quan chuyên môn để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thửa đất là 244 m², trong đó có 11 m² là đất lưu không nằm tại số thửa 179 tờ bản đồ số 06, loại đất thổ cư (Đất T), có tứ diện cụ thể như sau:

Phía Đông dài 29,3 mét giáp đất nhà ông Đỗ Duy H;

Phía Tây dài 22,9 mét + 2,7m giáp trường học;

Phía Nam dài 10,8 mét giáp Thủy lợi;

Phía Bắc dài 6,1 mét giáp giao thông.

Tháng 11/1994, ông xây dựng 01 nhà mái bằng gồm 05 gian, tổng diện tích khoảng 52m², xây móng bè, tường giát cấp. Khi xây móng, ông có để lại khoảng 50cm về phía Đông, giáp nhà ông H1 và về phía tây 50cm giáp trường học. Lúc ông làm nhà, hộ gia đình ông H1 chưa xây dựng. Năm 1995, gia đình ông H1 xây dựng nhà mái bằng 01 tầng. Khi làm nhà, ông H1 không gọi ông ra nhận mốc và ông cũng không có ý kiến gì. Năm 1997, Nhà nước tiến hành đo đạc lại đất, thành phần đo đạc gồm những ai, ông không nắm được. Khi đo đạc lại, ông và vợ ông không có nhà mà chỉ có con trai ông là Phạm Văn T1 (tức Qu) ở nhà và ký thay.

Ngày 14/9/2005 gia đình ông được UBND huyện V Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 179, tờ bản đồ 06. Diện tích sử dụng là 233m² nằm tại thôn Th Tr, xã M L, huyện V Th, tỉnh Thái Bình có tứ cận cụ thể như sau:

Phía Đông dài 29,3 m giáp đất nhà ông Đỗ Duy H1;

Phía Tây dài 22,9 m + 2,7 m giáp giao thông;

Phía Nam dài 10,8 m giáp Thủy lợi;

Phía Bắc dài 6,0 m giáp Giao thông.

Năm 2010, ông có xây dựng 01 nhà mái bằng (02 tầng, 01 tum) về phía

cuối đất với tổng diện tích khoảng 75 m² và 01 lán lợp Proximăng, có kèo sắt luồng tre. Nguồn tiền xây dựng nhà là của vợ chồng ông và anh T1 (tức Qu). Đến tháng 11/2016, do lán bị xuống cấp nên gia đình ông tu sửa lại lán. Khi tu sửa lán đó, gia đình ông H1 ra nhận phần đất gia đình ông đang sử dụng là của nhà ông H1 và ông H1 còn thách thức ông cứ mời chính quyền về giải quyết, ai sai người ấy phải tự tháo dỡ. Chính quyền xã đã hòa giải rất nhiều lần nhưng không thành.

Từ khi được giao đất đến nay, gia đình ông không chuyển nhượng cho ai. Quá trình sử dụng thửa đất từ năm 1994 đến nay gia đình ông đóng thuế quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ. Nay ông H, bà T và anh T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Đỗ Duy H1 và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho gia đình ông phần móng âm xây đè lên móng nhà ông 5cm và phần đất đã lấn chiếm cụ thể:

1. Lấn về phía Đông giáp đường 454 là 31cm; Lấn về phía Nam cuối đất, giáp nhà ông H1 18 cm; Tổng diện tích lấn chiếm là 5,7 m²

2. Lấn chiếm về không gian: Cùng tầng 2 lấn chiếm 0,32 mét; phía dưới cùng 0,24 mét. Tổng diện tích lấn chiếm là 0,08 m²

Cùng trang trí tầng 1 hai chiếc, phía trong lấn chiếm 0,12 mét; phía ngoài lấn chiếm 0,3 mét. Tổng diện tích lấn chiếm là 0,036 m²

Cùng nằm ngoài ở giữa khe không vào đo đạc được tổng diện tích lấn chiếm là 0,63 m²

Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ ngày 07/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Văn H thay đổi yêu cầu. Ông cho rằng trước đây khi làm đơn khởi kiện ông chỉ tính toán bằng mắt thường và đo thủ công nên số liệu không chính xác. Nhưng sau khi các cơ quan chuyên môn tiến hành thẩm định và đo đạc bằng máy, ông thay đổi yêu cầu, cụ thể như sau:

1. Gia đình bà H phải trả lại cho gia đình ông phần móng âm xây đè lên móng nhà ông 5cm và phần đất đã lấn chiếm về phía Đông là $1,0\text{m}^2 + 0,8\text{m}^2 = 1,8\text{m}^2$.

2. Lấn chiếm về không gian:

Cùng 1 (tầng 1): 01 cái kích thước 2,3 x 2,2 rộng 0,32

Cùng 2 + 3 (tầng 1): 01 cái kích thước 1,12 x 1,5m rộng 0,3m; 01 cái kích thước 1,42 x 1,55 rộng 0,3m

Cùng 4 (tầng 2): khoảng cách giữa hai tường nhà là 32 cm. Chiều cao 95 cm. Dài 2,17m. Phần nhô ra so với tường nhà ông H rộng 0,12m.

Anh Phạm Văn T1 đồng ý với toàn bộ nội dung và yêu cầu mà ông Phạm

Văn H đã trình bày ở trên và không bổ sung gì.

*** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Duy H1 trình bày như sau:**

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp gia đình bà được UBND xã M L giao đất có thu tiền sử dụng đất với giá 12 triệu đồng thể hiện trên phiếu thu tiền số 17 ngày 15/10/1994 được và trên chứng nhận giao quyền sử dụng đất ở năm 1994, có diện tích 126 m² có tứ diện cụ thể như sau:

Phía Đông dài 26,5 mét giáp đất nhà anh T;

Phía Tây dài 25.7 mét giáp nhà ông H;

Phía Nam dài 5.0 mét giáp Trường cấp II gần cách với 01 rãnh thoát nước dài 1.5 mét;

Phía Bắc dài 4,7 mét giáp đường 223 cách mép đường đá 03 mét.

Năm 1994, gia đình ông H xây dựng 01 nhà mái bằng kiên cố và sử dụng cho đến nay, khi đó gia đình bà chưa ra ở và cũng chưa xây dựng công trình gì trên đất được giao.

Ngày 12/5/1995 gia đình bà mua thêm một phần đất có diện tích 9,5 m² thể hiện ở Biên bản về việc giao đất phụ thổ cư và có xác nhận của Chủ tịch UBND xã ngày 02/6/1995. Tháng 8/1995, gia đình bà xây dựng 01 nhà 02 tầng. Khi xây, xây móng bè, tường giát. Gia đình bà xây sát hết mốc giáp phần đất ở phía Đông nhà ông T và phía Tây nhà ông H, đằng sau để lại bao nhiêu bà không biết. Khi xây, gia đình bà có gọi gia đình ông H và gia đình ông T, bà T1 ra nhận mốc giới, ông H trực tiếp ra nhận mốc và cũng không có ý kiến gì. Sau đó gia đình bà có xây thêm công trình phụ nhưng bà không nhớ rõ vào năm nào.

Năm 1997, Nhà nước tiến hành đo đạc lại đất thành phần đo đạc gồm những ai bà không nắm được. Khi đo đạc lại, có mời các hộ liền kề ra nhận mốc, các hộ gia đình đều đã thừa nhận mốc giới đất của gia đình mình và không ai có ý kiến gì. Vợ chồng bà đều có ở nhà và ông H1 là người trực tiếp ra nhận mốc giới và ký xác nhận vào phiếu trích thửa khu dân cư ngày 17/5/1997. Thửa đất của gia đình bà có số thửa 180, tờ bản đồ số 06. Cụ thể số đo năm 1997 thể hiện: Diện tích sử dụng là 153 m² nằm tại thôn Th Tr, xã M L, huyện V Th, tỉnh Thái Bình trong đó lưu không giao thông là 09 m² về phía Bắc. Thửa đất có tứ diện như sau:

Phía Đông dài 31,8 mét giáp đất nhà anh T;

Phía Tây dài 29,3 mét giáp nhà ông H;

Phía Nam dài 5,2 mét, giáp đường dân sinh;

Phía Bắc dài 4.8 mét, giáp đường giao thông 223.

Khi đo đạc lại, diện tích đất nhà bà tăng lên 17,5m² là do phần lưu không giáp đường 223 trước đây là 03m², nay giảm xuống còn 1,8m²

Từ khi mua thửa đất đến tháng 11/2016, gia đình bà sử dụng ổn định, không xây dựng kiến thiết gì thêm, không chuyển nhượng cho ai và không có tranh chấp gì. Đến cuối năm 2016, khi gia đình ông H tiến hành tu sửa lại lán lợp proximãng phía sau, gia đình bà có ý kiến vì gia đình ông H làm lán trùm lên rãnh thoát nước lán sang tường nhà bà 10 cm thì hai bên phát sinh tranh chấp. Ông H làm đơn kiện gia đình bà ra UBND xã, chính quyền xã đã hòa giải rất nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại gia đình bà vẫn chưa được UBND huyện V Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay gia đình ông H khởi kiện yêu cầu gia đình bà phải trả lại phần đất đã lấn chiếm, bà không chấp nhận. Vì gia đình bà đã sử dụng ổn định thửa đất từ khi mua đến khi phát sinh tranh chấp. Việc gia đình ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chứng tỏ ranh giới giữa hai gia đình nên đến nay gia đình ông H lại cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất của gia đình ông H là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào số liệu đo đạc vào năm 1997 để giải quyết vụ án.

- Bản án số 07/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện V Th, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Áp dụng điều 100, khoản 1 điều 203 - Luật đất đai 2013; Điều 166, Điều 168, Điều 169, Điều 273 Bộ luật Dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1.

- Buộc ông Đỗ Duy H1 và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ bức tường lán ngăn cách giữa hai gia đình đã lấn chiếm về phía Tây Bắc rộng 0,077m; dài 18m. Diện tích 0,8m² (tính từ đầu ranh giới của thửa đất - có sơ đồ kèm theo) để trả lại đất cho gia đình ông Phạm Văn H.

- Buộc gia đình ông Đỗ Duy H1, bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ đường ống nước phía sau nhà của gia đình ông bà, có đường kính 80mm: dài 2,8m để trả lại phần đất đã lấn chiếm sang nhà ông H về phía Tây Nam rộng 0,15m; dài

6,7m. Diện tích $1m^2$. (tính từ cuối ranh giới của thửa đất, có sơ đồ kèm theo) mà gia đình ông H đã để lại làm rãnh thoát nước đã có từ trước đó.

- Buộc gia đình ông Đỗ Duy H1 và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ phần cùng (phần không gian đã lấn chiếm) sang phần đất của gia đình Ông Phạm Văn H: Cùng 1 (tầng 1): 01 cái kích thước dài 2,17m x rộng 0,95m lấn sang đất gia đình ông H 0,12m (tính từ mép ngoài tường nhà ông H, bà Hoàn). Cùng 2 + 3 (tầng 1): 02 cái kích thước 1,12m x 1,5m lấn sang đất gia đình ông H 0,3m. Cùng 4 (tầng 2): 01 cái kích thước dài 1,42 x rộng 1,55 lấn sang đất gia đình ông H 0,3m.

- Giữ nguyên hiện trạng phần móng âm giữa hai gia đình. Khi nào gia đình ông H1, bà H làm lại nhà thì phải trả lại phần móng âm đã lấn chiếm cho gia đình ông Phạm Văn H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; quyền kHg cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/10/2018 bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn; các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của cấp phúc thẩm xác định gia đình bà H chỉ lấn chiếm đất của gia đình ông H ở hai điểm gồm phần móng âm $0,8m^2$ và phần phía sau $1m^2$, không lấn chiếm phần phía trước, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm xác định gia đình bà H không lấn chiếm phía đông giáp đường 454, y án sơ thẩm đối với các quyết định khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn kháng cáo là kháng cáo hợp lệ, được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc

thẩm.

Bà T, ông H1 vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt, Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông H1.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H thấy:

[2.1] Nguồn gốc hai thửa đất đang có tranh chấp là thửa số 179 của gia đình ông Phạm Văn H và thửa đất số 180 của gia đình bà Nguyễn Thị H do UBND xã M L, huyện V Th giao đất có thu tiền sử dụng đất.

[2.2] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2019 và bản đo vẽ lồng ghép giữa hiện trạng và pháp lý kèm theo thì diện tích, ranh giới các thửa đất thể hiện như sau:

- Phần móng âm ngôi nhà của gia đình bà H, ông H1 đè lên phần móng âm ngôi nhà của gia đình ông H, bà T là 5cm

- Thửa đất số 441 (nhà ông H) có diện tích hiện trạng $237,1m^2$; diện tích theo Giấy CNQSD Đ là $233m^2$; trong đó: phía bắc thiếu $1,8m^2$ (giáp DT 454); phía đông thiếu $1,8m^2$ (giáp nhà ông H1); phía nam tăng $9,8m^2$ (giáp nương); phía tây tăng $1,9m^2$ (giáp trường học)

- Thửa đất số 445 (nhà ông H1) có diện tích hiện trạng $151,9m^2$; diện tích dựng theo phiếu đo đạc năm 1997 là $153m^2$; phía bắc thiếu: $0,8m^2 + 1,0m^2 = 8,2m^2$ (giáp DT – 454); phía đông thiếu $2,6m^2$; phía tây tăng $0,8m^2$ (phần móng âm) + $1,0m^2$ (phía cuối thửa đất) (giáp ông H); phía nam tăng $7,4m^2$ (giáp nương)

Như vậy, diện tích đất của hai gia đình đều tăng lên so với thời điểm trước; gia đình ông H và gia đình bà H đều xác định các gia đình không chuyển nhượng, không nhận chuyển nhượng đất cho ai. Xác minh tại UBND xã M L thể hiện diện tích đất hai gia đình tăng là do lấn chiếm, cụ thể: gia đình ông H có lấn ra phía trường học và phía nương nước; gia đình bà H lấn về phía nương nước.

[2.3] Theo bản đo vẽ lồng ghép giữa hiện trạng và pháp lý thì diện tích đất của gia đình ông H thiếu $1,8m^2$ về phía đông (giáp nhà ông H1), nhà ông H1 thừa $1,8m^2$ về phía tây (giáp nhà ông H), án sơ thẩm xác định gia đình bà H lấn chiếm của gia đình ông H là có cơ sở. Án sơ thẩm xác định việc lấn chiếm đất của gia đình bà H thể hiện ở ba điểm: điểm thứ nhất là phần phía đông giáp đường 454 diện tích $0,8m^2$; điểm thứ hai: phần móng âm 5cm và điểm thứ ba: phía cuối thửa đất có diện tích $1m^2$. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của cấp phúc thẩm thì phần diện tích $1,8m^2$ này được thể hiện lấn chiếm ở hai điểm: điểm thứ nhất: là phần móng âm 5cm kéo theo chiều dài của ngôi nhà là $16m = 0,8m^2$; điểm thứ hai là ở phía cuối thửa đất có chiều dài là $7,24m$

và chiều rộng là $0,138\text{m} = 1,0\text{m}^2$ (đã làm tròn). Do đó xác định gia đình bà H không lấn chiếm về phía đông giáp đường 454, bản án sơ thẩm buộc gia đình bà H phải tháo dỡ bức tường lấn ngăn cách giữa hai gia đình là không đúng.

[2.4] Xét thấy, phần diện tích lấn chiếm 1m^2 ở phía cuối thửa đất (chiều dài $7,24\text{m}$, chiều rộng $0,138\text{m}$) rất nhỏ, hiện nay gia đình bà H đang làm rãnh thoát nước, đã sử dụng ổn định hơn 20 năm; đối với phần móng âm ngôi nhà bà H đề lên phần móng âm ngôi nhà ông H 5cm , xét thấy: diện tích lấn chiếm này rất nhỏ, các bên đã sử dụng ổn định trên 20 năm nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến kết cấu công trình của gia đình ông H vì ông H xây móng bê tường giát cấp, nếu buộc tháo dỡ để trả lại đất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết cấu ngôi nhà của gia đình bà H và trên thực tế việc thi hành án cũng không thể thực hiện được vì đế móng rất sâu, không gian giữa hai nhà chật. Mặt khác, việc án sơ thẩm tuyên xử giữ nguyên hiện trạng phần móng âm giữa hai gia đình, khi nào ông H1, bà H làm lại nhà thì phải trả lại phần móng âm đã lấn chiếm cho gia đình ông Phạm Văn H là chưa đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, chưa giải quyết triệt để vụ án. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm, giữ nguyên hiện trạng như hiện nay, buộc gia đình ông H1, bà H phải thanh toán giá trị $1,8\text{m}^2$ đất lấn chiếm cho nguyên đơn là phù hợp với thực tế sử dụng và quy định của pháp luật. Cụ thể giá trị của $1,8\text{m}^2 \times 6$ triệu đồng/ m^2 (theo kết quả định giá của cấp sơ thẩm) = 10.800.000đ.

[2.5] Về phần không gian: gia đình ông H1, bà H có xây 4 củng (tầng 1: 3 củng; tầng 2: 1 củng); lắp đặt 01 đường ống nước có đường kính 80mm, dài 2,8m sang phần không gian đất của gia đình ông H, bản án sơ thẩm buộc gia đình bà H phải tháo dỡ là có căn cứ. Theo số liệu đo đạc thì số đo các củng thể hiện như sau:

Củng 1 tầng 1: dài $2,17\text{m}$ x rộng $0,95\text{m}$

Củng 2 tầng 1: dài $1,1\text{m}$ x rộng $1,5\text{m}$

Củng 3 tầng 1: dài $1,2\text{m}$ x rộng $1,5\text{m}$

Củng 4 tầng 2: dài $1,4\text{m}$ x rộng $1,5\text{m}$

[2.6] Từ những phân tích trên xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kHg cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: bà H, ông H1 phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp xong).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện VTh, tỉnh Thái Bình. Cụ thể như sau:

Áp dụng điều 100, khoản 1 điều 203 - Luật đất đai 2013; Điều 166, Điều 168, Điều 169, Điều 273 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1.

- Buộc gia đình ông Đỗ Duy H1, bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho gia đình ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T1 giá trị 1,8m² đất đã lấn chiếm là 10.800.000đ.

- Gia đình ông Đỗ Duy H1 và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng 1,8m² đất nêu trên. Cụ thể: 5cm x 16m = 0,8m² phần móng âm và 7,24m x 0,138m = 1m² (đã làm tròn) phần diện tích phía sau về phía đông của thửa đất (có sơ đồ kèm theo)

- Buộc gia đình ông Đỗ Duy H1 và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ phần cùng (phần không gian đã lấn chiếm) sang phần đất của gia đình Ông Phạm Văn H: Cùng 1 tầng 1: dài 2,17m x rộng 0,95m; Cùng 2 tầng 1: dài 1,1m x rộng 1,5m; Cùng 3 tầng 1: dài 1,2m x rộng 1,5m; Cùng 4 tầng 2: dài 1,4m x rộng 1,5m; 01 đường ống nước phía sau nhà bà H có đường kính 80mm, dài 2,8m nằm trên không gian đất của gia đình ông H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tHg bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, ông Đỗ Văn H1 phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp xong)

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003131 ngày 26/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V Th, tỉnh Thái Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/5/2019/.

Nơi nhận:

-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;

- Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự h

V Th;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Hải Yến